



Máy in để bàn

Dòng **DT200 / DT200i**

Kích thước nhỏ nhưng được trang bị các tính năng và tùy chọn mạnh mẽ!

Dòng DT200 là một thiết kế khéo léo mang nhiều chức năng vào một nền tảng. Nó hỗ trợ độ phân giải in 203dpi hoặc 300dpi và cung cấp màn hình màu 2,4 inch tùy chọn để dễ sử dụng. Có sẵn đầy đủ các phụ kiện tùy chọn và DT200L hỗ trợ in phương tiện decal không lột. Mọi nhu cầu của bạn đều có thể được đáp ứng với bộ sản phẩm này.



Các giao diện tiêu chuẩn khác nhau tạo điều kiện tích hợp vào một số môi trường.



Cơ chế cấp nhãn năng cao



Màn hình LCD TFT màu và bảng điều khiển để vận hành dễ dàng và trực quan



Nút chữ "C" cải tiến giúp cho việc Căn chỉnh nhãn trở nên đơn giản và nhanh chóng

Specification

Dòng DT200/DT200i

Model		DT200	DT230	DT200i	DT230i
Phương pháp in		Nhiệt trực tiếp			
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)	203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)
Tốc độ in		7 IPS (178 mm / giây)	5 IPS (127 mm / giây)	7 IPS (178 mm / giây)	5 IPS (127 mm / giây)
Chiều rộng bản in		2,12" (54 mm)	2,24" (57 mm)	2,12" (54 mm)	2,24" (57 mm)
Độ dài bản in		Min. 0,16" (4 mm)**; Max. 68" (1727 mm)	Min. 0,16" (4 mm)** ; Max. 30"(762 mm)	Min. 0,16" (4 mm)**; Max. 68" (1727 mm)	Min. 0,16" (4 mm)** ; ; Max. 30"(762 mm)
Bộ vi xử lý		32 Bit RISC CPU			
Bộ nhớ	Flash	128 MB Flash (60 MB sử dụng lưu trữ)			
	SDRAM	32 MB			
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh. Cảm biến truyền cố định và được căn giữa			
Decal mã vạch	Các loại	Dạng liên tục, nhân khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhân được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình			
	Chiều rộng	Min. 0,6" (15 mm) – Max. 2,36" (60 mm)			
	Độ dày	0,003" (0,08 mm) Min. – 0,008" (0,20 mm) Max.			
	Đường kính cuộn decal	Max. 5" (127 mm)			
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm), 1,5" (38,1 mm)			
Ngôn ngữ máy in		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL, GDPL			
Phần mềm	Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)			
	Driver	Vista, Windows 7, Windows 8 & 8.1, Windows 10, Windows Server 2008 R2, 2012, 2012 R2, 2016, 2019, MAC, Linux			
	SDK	Win CE, .NET, Windows Vista, Windows 7, Windows 8 & 8.1, Windows 10, Android, Mac, iOS			
Phông chữ tích hợp		6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B			
	Phông Bitmap	Phông chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°			
	Phông TTF	Phông chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc			
Phông chữ tải xuống	Phông Bitmap	Phông chữ TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°			
	Phông Asian	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°			
Mã vạch	Phông Asian	6x16, 24x24. Traditional Chinese (BIG-5), Simplified Chinese (GB2312), Japanese (S-JIS), Korean (KS-X1001)			
	Phông TTF	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° và có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc			
		Phông chữ TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°			
Mã vạch	Mã vạch 1D	China Postal Code, Codabar, Code 11, Code 32, Code 39, Code 93, Code 128 (subset A, B, C), EAN-8/EAN-13 (with 2 & 5 digits extension), EAN 128, FIM, German Post Code, GS1 DataBar, HiBC, Industrial 2 of 5 , Interleaved 2-of-5 (1 2 of 5), Interleaved 2-of-5 with Shipping Bearer Bars, ISBT-128, ITF 14, Japanese Postnet, Logmars, MSI, Postnet, Plessey, Planet 11 & 13 digit, RPS 128, Standard 2 of 5, Telepen, Matrix 2 of 5, UPC-A/UPC-E (with 2 or 5 digit extension), UCC/EAN-128 K-Mart and Random Weight			
	Mã vạch 2D	Aztec code, Code 49, Codablock F , Datamatrix code, MaxiCode, Micro PDF417, Micro QR code, PDF417, QR code, TLC 39, GS1 Composite			
Bộ mã		Codepage 437, 737, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869			
		Windows 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257			
		Unicode UTF8 \ UTF16BE \ UTF16LE			
Đồ họa		Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm			
Cổng kết nối		USB 2.0		USB 2.0	
		Serial port: RS-232 (DB-9)		Serial port: RS-232 (DB-9)	
		Ethernet 10/100 Mbps		Ethernet 10/100 Mbps	
Bảng điều khiển				USB Host (A-Type)	
		Hai đèn LED hai màu (Sẵn sàng & Tình trạng)		Màn hình màu LCD với nút điều chỉnh	
		Nút bật / tắt nguồn		Nút bật / tắt nguồn	
Đồng hồ thời gian thực		Nút điều khiển		Nút điều khiển	
		Phím điều khiển: FEED		Phím điều khiển: FEED	
		Tùy chọn		Tiêu chuẩn	
Điện năng yêu cầu		Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz			
Môi trường	Nhiệt độ hoạt động	41°F to 104°F (5°C to 40°C)			
	Nhiệt độ bảo quản	-4°F to 122°F (-20°C to 50°C)			
Độ ẩm	Hoạt động	30-85%, không ngưng tụ			
	Bảo quản	10-90%, không ngưng tụ			
Chứng nhận		CE (EMC) \ FCC Class B \ CB \ UL \ cUL \ CCC \ BSMI			
Kích thước	Chiều dài	207 mm (8,15")			
	Chiều cao	171 mm (6,73")			
	Chiều rộng	112 mm (4,41")			
Khối lượng		1,05kg (2,31 lb), Không bao gồm vật tư tiêu hao			
Tùy chọn thêm		Dao cắt tự động		Dao cắt tự động	
		Máy bóc tem nhãn tự động		Máy bóc tem nhãn tự động	
		Giá đỡ cuộn tem nhãn bên ngoài, đường kính tối đa 10" (250mm)		Giá đỡ cuộn tem nhãn bên ngoài, đường kính tối đa 10" (250mm)	
		Máy cuộn decal tự động		Máy cuộn decal tự động	
		Chức năng Bluetooth		Chức năng Bluetooth	
		Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)		Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)	
		Đồng hồ thời gian thực			

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

** Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.